TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2017
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vũ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Minh Thuận.
2. Ông Trần Huy Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài-Kiểm sát viên.

Trong ngày 06/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 132/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017, về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Triệu Thị V; Sinh năm: 1993; Địa chỉ cư trú: Ấp G, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông Thạch Tuấn H; Sinh năm: 1985; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Triệu Thị V lập ngày 15/6/2017, biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Triệu Thị V trình bày như sau: Vào ngày 20/12/2012, bà Triệu Thị V, sinh năm 1993 và ông Thạch Tuấn H, sinh năm 1985 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 206 ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà V, ông H chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp nhau, ông H không lo cho gia đình, đến tháng 5/2013 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Vợ chồng bà V, ông H không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung. Nay bà V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn Thạch Tuấn H nhiều lần để cung cấp lời khai về vụ án, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai của ông H về vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Triệu Thị V, ông Thạch Tuấn H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà V cho vợ chồng bà V, ông H ly hôn và buộc bà V chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 20/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề nhận được đơn khởi kiện của bà Triệu Thị V lập ngày 15/6/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo do bà V nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của bà V và thụ lý vụ án theo đúng quy định tại các điều 191 và 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/6/2017, bà Triệu Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Thạch Tuấn H có nơi cư trú tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[4] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Thạch Tuấn H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn Triệu Thị V: Bà Triệu Thị V, sinh năm 1993 và ông Thạch Tuấn H, sinh năm 1985 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 206 ngày 20/12/2012, nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà V, ông H chung sống với nhau không hạnh phúc do tính tình không hợp nhau và đã sống ly thân với nhau từ tháng 5/2013 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà V, ông H đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng của vợ chồng bà V, ông H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà V xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà V xác định vợ chồng bà V, ông H không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Triệu Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Thạch Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Thạch Tuấn H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Triệu Thị V và ông Thạch Tuấn H được ly hôn.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Triệu Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Triệu Thị V chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006384 ngày 30/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Ông Thạch Tuấn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Thạch Tuấn H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Thạch Tuấn H.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND thị trấn L;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thanh Vũ